

Số: /BC-UBND

Xín Mãn, ngày tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và giải ngân các nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp 9 tháng đầu năm 2021

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công, nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2021; Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công, nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2021; Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Xín Mãn báo cáo công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn và giải ngân nguồn vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, sự nghiệp có tính chất đầu tư 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

A. Kết quả thực hiện thu dự toán NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và giải ngân các nguồn vốn trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2021:

I. Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn

1. Thu ngân sách trên địa bàn: 552.018,1/586.649 triệu đồng (đạt 94,1% KH tỉnh giao và 94,1% kế hoạch huyện phần đầu). Trong đó:

- Thu bổ sung cân đối: 345.000 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu: 86.021 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn: 60.717,6 triệu đồng

- Thu NSNN trên địa bàn: 60.279,5/56.300 triệu đồng, (đạt 108% kế hoạch tỉnh giao và đạt 107,1% kế hoạch huyện phần đầu). Trong đó: Thu thuế và phí 55.823,6/52.465 triệu đồng, đạt 106,4 kế hoạch tỉnh giao và 105,4% kế hoạch huyện phần đầu; thu khác đạt 4.455,9/1.330 triệu đồng (đạt 335% kế hoạch), sắc thuế này tăng cao do số thu bán tài sản nhà máy thủy điện Nà Chì và tài sản trên đất phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũ; thu quản lý qua ngân sách 10/2.000 triệu đồng, đạt 80% KH giao.

* **Thuận lợi:** Đạt được kết quả thu ngân sách địa phương như trên là do có sự quan tâm lãnh, chỉ đạo sát sao của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND-UBND tỉnh và các sở ngành liên quan; sự chỉ đạo sự cương quyết chặt chẽ, kịp thời của cấp ủy, chính quyền địa phương từ huyện tới xã trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN; sự nỗ lực tham mưu của các cơ quan, đơn vị đảm nhận nhiệm vụ thu.

Công tác lập dự toán thu ngân sách đã được xác định cụ thể cho từng nguồn thu, từng sắc thuế phát sinh trên địa bàn, trên cơ sở tích cực, chủ động khai thác tốt mọi nguồn thu nhằm tăng thu cho NSNN. Các ngành, các xã, thị trấn đã triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách, chống thất thu, nợ đọng thuế.

* **Khó khăn:** Đối với các Doanh nghiệp hoạt động XD/CB tại địa bàn do tỉnh và huyện quản lý, do nguồn vốn tiếp tục thắt chặt về đầu tư công, số phát sinh thuế GTGT nộp ngân sách nhà nước không cao, nên cũng ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách trên địa bàn. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh buôn bán của Hộ kinh doanh và doanh nghiệp.

2. Chi ngân sách địa phương: 471.328 triệu đồng (đạt 80,7% dự toán tỉnh giao)

2.1. Chi thường xuyên: 413.128 triệu đồng, đạt 77,8% dự toán giao. Chi thường xuyên cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ chi của các đơn vị dự toán để thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở dự toán được giao.

* **Tình hình phân bổ kinh phí sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và bố trí cho phòng chống dịch bệnh**

- Nguồn dự phòng ngân sách huyện, xã tỉnh giao năm 2021: 11.054 triệu đồng, trong đó: Dự phòng NS huyện 9.073 triệu đồng; dự phòng xã/thị trấn 1.981 triệu đồng.

- Kinh phí dự phòng huyện, xã đã sử dụng: 10.604,246 triệu đồng (*huyện chi 9.073 triệu đồng; các xã, thị trấn chi 1.531,246 triệu đồng*). Trong đó:

+ Chi An ninh Quốc phòng: Huyện chi 2.874,5 triệu đồng

+ Chi phòng, chống dịch bệnh: 5.953,957 triệu đồng (*huyện chi 4.659,583 triệu đồng, các xã, thị trấn chi 1.294,374 triệu đồng*). Trong đó: Chi phòng, chống dịch bệnh Covid-19: 5.271,552 triệu đồng (*huyện chi 4.003,248 triệu đồng, các xã chi 1.268,304 triệu đồng*).

+ Chi khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ quan trọng khác chưa được giao dự toán từ đầu năm: 1.801,859 triệu đồng (*huyện chi 1.538,917 triệu đồng; các xã chi 262,942 triệu đồng*).

- Nguồn dự phòng ngân sách huyện, xã còn tồn 449,754 triệu đồng (*Ngân sách huyện 0 triệu đồng, dự phòng các xã 449,754 triệu đồng*).

2.2. Chi đầu tư: 58.200 triệu đồng, đạt 522% dự toán giao. Lý do chi đầu tư phát triển tăng cao so với dự toán giao đầu năm, do một số khoản chi năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 và các chương trình mục tiêu nhiệm vụ, các lĩnh vực đầu tư khác chưa được UBND tỉnh giao trong dự toán đầu năm mà bổ sung trong năm.

(Có các mẫu biểu 94,95,96 kèm theo)

II. Kết quả thực hiện và giải ngân các nguồn vốn (Bao gồm vốn thanh toán qua kho bạc huyện và kho bạc tỉnh)

1. Tổng số kế hoạch các nguồn vốn: 143.866 triệu đồng (Bao gồm cả vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021: 49.929 triệu đồng).

1.1. Kế hoạch vốn giao năm 2021: Tổng số 93.937 triệu đồng. Trong đó: Nguồn vốn đầu tư công 68.882 triệu đồng; Nguồn vốn sự nghiệp 21.699 triệu đồng; Nguồn vốn ngân sách huyện: 3.356 triệu đồng.

1.2. Vốn kéo dài năm 2020 chuyển sang 2021: 49.929 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư công 45.784 triệu đồng; Vốn Ai len 4.000 triệu đồng; Vốn sự nghiệp giáo dục 145 triệu đồng.

2. Kết quả giải ngân các nguồn vốn: 98.137/143.866 triệu đồng, đạt 68,2% KH. Cụ thể:

2.1. Nguồn vốn đầu tư công: Kết quả giải ngân được **76.172/114.666** triệu đồng, đạt 66,4% KH (Trong đó: Giải ngân vốn kế hoạch năm 2021 được **50.111/68.882** triệu đồng, đạt 72,7% KH và Giải ngân nguồn vốn kéo dài năm 2020 sang năm 2021 được **26.061/45.784** triệu đồng, đạt 57% KH). Cụ thể:

- Vốn đầu tư trong CPNS địa phương: Kết quả giải ngân được 17.238/19.755 triệu đồng, đạt 88% KH (Trong đó: Giải ngân kế hoạch vốn tỉnh giao được 11.896/14.367 triệu đồng đạt 83% KH; giải ngân kế hoạch vốn huyện giao được 5.342/5.390 triệu đồng, đạt 99,1% KH).

- Nguồn vốn TW hỗ trợ có mục tiêu: Kết quả giải ngân được 22.292/34.715 triệu đồng, đạt 64,2% KH (Trong đó: Giải ngân Nguồn vốn định canh định cư theo Quyết định 2085/QĐ-TTg: Kết quả giải ngân được 4.615/14.506 triệu đồng, đạt 32% KH; Vốn hỗ trợ đồng bào DTMN theo QĐ 2086/QĐ-TTg: giải ngân được 12.677/15.209 triệu đồng, đạt 83,3% KH; Chương trình tái cơ cấu KT nông nghiệp ổn định dân cư: Kết quả giải ngân được 5.000/5.000 triệu đồng, đạt 100% KH).

- Nguồn ứng trước ngân sách địa phương (Tỉnh): Đã thu hồi ứng 500/500 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn vốn bảo vệ và phát triển rừng: Kế hoạch vốn giao 1.037,4 triệu đồng, chưa giải ngân.

- Nguồn thu bán quyền sử dụng đất: Kết quả giải ngân được 8.865/11.504 triệu đồng, đạt 77% KH.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết: Kết quả giải ngân được 244/371 triệu đồng, đạt 66% KH.

- Nguồn vốn Khen thưởng thành tích trong công tác XD NTM: Kết quả giải ngân được 500/500 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn vốn Khen thưởng từ ngân sách cấp tỉnh năm 2020 (huyện giải Ba): Kết quả giải ngân được 472/500 triệu đồng, đạt 94,4% KH.

- Nguồn vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021: Thực hiện giải ngân 26.061/45.784 triệu đồng, đạt 57% KH.

2.2. Nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len (Kéo dài 2020 sang 2021): Kết quả giải ngân đạt 4.000/4.000 triệu đồng, đạt 100% KH.

2.3. Nguồn ngân sách huyện: Thực hiện giải ngân **2.998/3.356** triệu đồng, đạt 89,3% KH. Trong đó:

- Nguồn vốn quản lý hành chính, ngân sách tỉnh cấp bổ sung: Kết quả giải ngân được 800/800 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn chi khác ngân sách huyện: Kết quả giải ngân được 363/363 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn Dự phòng ngân sách huyện: Thực hiện giải ngân được 702/702 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn Vượt thu năm 2020: Kết quả giải ngân được 1.133/1.491 triệu đồng, đạt 76% KH.

2.4. Nguồn sự nghiệp: Kết quả giải ngân được **14.967/21.844** triệu đồng, đạt 68,5% KH. Trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục: Thực hiện giải ngân được 7.857/13.017 triệu đồng, đạt 60% KH (*Trong đó: Vốn kế hoạch năm 2021 thực hiện giải ngân được 7.712/12.872 triệu đồng, đạt 60% KH; Vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021: Thực hiện giải ngân 145/145 triệu đồng, đạt 100% KH*).

- Nguồn vốn sự nghiệp giao thông DA LRAMP: Kết quả giải ngân được 3.883/5.159,8 triệu đồng, đạt 75,3% KH (*Trong đó: Các tuyến đường huyện quản lý giải ngân được 3.751/4.996,8 triệu đồng, đạt 75,2% KH; Các tuyến đường do xã quản lý giải ngân được 132/160 triệu đồng, đạt 81% KH*).

- Nguồn vốn sự nghiệp giao thông: Thực hiện giải ngân 2.625/2.625 triệu đồng, đạt 100% KH.

- Nguồn vốn sự nghiệp Y tế: Giải ngân được 402/843 triệu đồng, đạt 47,6% KH.

- Nguồn sự nghiệp văn hóa: Giải ngân 200/200 triệu đồng, đạt 100% KH.

3. Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân:

- Một số hạng mục phải điều chỉnh qui mô, nhất là các dự án thuộc Chương trình Ổn định dân cư theo QĐ 2085/TTg.

- Các nguồn vốn đầu tư năm 2021 chưa được đầu tư; do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình.

- Đối nguồn vốn kéo dài: Các công trình thực hiện trong năm 2020 khởi công muộn, đa phần là tạm ứng vốn dẫn đến số kinh phí kéo dài thời gian thanh toán sang năm 2021 lớn.

B. Phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021

I. Thu thuế, phí và các khoản thu khác trên địa bàn

1. Nhiệm vụ thu NSNN 3 tháng cuối năm: Phần đầu thu NSNN năm 2021 đạt 69.066,2 triệu đồng, vượt 13.271,2 triệu đồng = 123,7% so với KH tỉnh giao và vượt 12.766,2 triệu đồng = 122,6% KH huyện. Như vậy, 03 tháng cuối năm 2021 còn phải thực hiện thu 9.037,7 triệu đồng. Trong đó: Thuế phí 8.248 triệu đồng; thu khác 398,2 triệu đồng; thu quản lý qua ngân sách 391,5 triệu đồng.

2. Giải pháp thực hiện 3 tháng cuối năm

- Chỉ đạo điều hành thu ngân sách Nhà nước theo đúng quy định, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, phấn đấu tăng thu. Chủ động khai thác có hiệu quả các nguồn thu, đặc biệt là các khoản thu từ các chương trình, dự án xây dựng cơ bản trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế như luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi. Nâng cao chất lượng điều hành quản lý tốt các nguồn thu ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chống thất thu thuế đặc biệt là khu vực công

thương nghiệp - dịch vụ - ngoài quốc doanh, kịp thời đưa các hộ mới ra kinh doanh vào quản lý thu thuế, triển khai thu kịp thời các loại thuế phát sinh.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác thu phí, lệ phí trên địa bàn; tăng cường các biện pháp khai thác triệt để các nguồn thu khác phát sinh.

- Quản lý tốt các nguồn vốn đóng góp tài trợ của các tổ chức cá nhân theo đúng cơ chế quản lý tài chính đã quy định. Ghi thu, ghi chi đầy đủ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào ngân sách nhà nước.

II. Về giải ngân các nguồn vốn

1. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc cam kết về đẩy nhanh tiến độ. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 90/KH-UBND của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Đảm bảo giải ngân 100% vốn trước 15/12/2021, không để chuyển nguồn.

2. Kịp thời rà soát, điều chỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh vốn đối với các công trình không có khả năng giải ngân, để ưu tiên bổ sung cho các dự án/công trình có khối lượng và có khả năng hoàn thành, để sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư.

4. Triển khai thực hiện nguồn vốn đối ứng NS tỉnh Dự án ODA, đảm bảo giải ngân đạt 100% KH vốn.

3. Tập trung chỉ đạo rà soát, thực hiện quyết toán các công trình/dự án đã hoàn thành đảm bảo thời gian, đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TTr. Huyện ủy;
- TTr. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐ VP + CV khối;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Duy Hiền

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Xin Mần)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	So sánh (%)	
					Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	849.469.286	583.801.000	552.018.187	94,56	64,98
I	Thu cân đối NSNN	830.383.939	583.801.000	491.300.500	84,16	59,17
1	Thu nội địa	39.118.362	53.452.000	60.279.500	112,77	154,10
2	Thu bổ sung cân đối ngân sách	461.222.257	501.738.000	345.000.000	68,76	74,80
3	Thu bổ sung có mục tiêu	330.043.320	28.611.000	86.021.000	300,66	26,06
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	19.085.347		60.717.687		318,14
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	574.938.922	583.801.000	471.328.000	80,73	81,98
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	551.026.422	552.685.000	449.869.750	81,40	81,64
1	Chi đầu tư phát triển	105.944.831	11.140.000	58.200.000	522,44	54,93
2	Chi thường xuyên	434.910.372	530.491.000	381.065.504	71,83	87,62
3	Dự phòng ngân sách	10.171.219	11.054.000	10.604.246	95,93	104,26
II	Dự kiến chi từ nguồn tăng thu		505.000	0		
III	Chi từ các khoản quản lý qua ngân sách	0	2.000.000	0	0,00	
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh giao đầu năm	23.912.500	28.611.000	21.458.250	75,00	89,74

BIỂU THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Xin Mần)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	So sánh (%)	
					Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	Tổng thu ngân sách trên địa bàn (A+B+C)	849.469.286	586.649.000	552.018.187	94,10	64,98
A	Tổng thu thuế, phí và thu khác	39.118.362	56.300.000	60.279.500	107,07	154,10
I	Thu thuế và phí	37.149.968	52.970.000	55.823.600	105,39	150,27
1	DNNN Trung ương	123.905	3.100.000	-		0,00
2	DNNN địa phương	144.706	175.000	3.594.100	2053,77	2483,73
3	CTN-NQD; Trong đó:	28.974.000	36.855.000	32.970.800	89,46	113,79
3.1	DN Cục QL	9.772.700	11.000.000	7.055.800	64,14	72,20
3.2	DN Chi Cục QL	17.577.400	23.505.000	24.326.100	103,49	138,39
3.3	Thuế CTN -NQD	1.623.900	2.350.000	1.588.900	67,61	97,84
4	Thuế TNCN	1.209.099	1.700.000	1.301.900	76,58	107,68
5	Thu tiền SD đất	2.511.522	5.000.000	12.502.900	250,06	497,82
6	Thuế nhà đất/sử dụng đất phi NN	4.528	5.000	1.800	36,00	0,00
7	Tiền thuê đất	2.440	3.000	3.000		
8	Lệ phí trước bạ	1.295.681	1.800.000	1.863.600	103,53	143,83
9	Thu phí - lệ phí	734.884	1.250.000	1.199.200	95,94	163,18
10	Sổ xố kiến thiết	652.931	750.000	554.700	73,96	84,96
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.496.272	2.332.000	1.831.600	78,54	122,41
II	Thu khác NS	1.968.394	1.330.000	4.455.900	335,03	226,37
1	Thu biện pháp tài chính khác	1.818.895	1.000.000	4.063.600	406,36	223,41
2	Thu xử phạt vi phạm ATGT	134.450	300.000	366.700	122,23	
3	Thu phát VPHC do cơ quan thuế thu	15.049	30.000	25.600	85,33	
III	Thu quản lý qua ngân sách	-	2.000.000	-	0,00	
B	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	19.085.346,5		60.717.687,0		318,14

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	So sánh (%)	
					Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
C	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	791.265.577	530.349.000	431.021.000	81,27	54,47
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	461.222.257	501.738.000	345.000.000	68,76	74,80
2	Thu bổ sung có mục tiêu	330.043.320	28.611.000	86.021.000	300,66	26,06

BIỂU THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Xin Mần)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2021	So sánh (%)	
					Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
	TỔNG CHI (A+B)	574.938.922	583.801.000	495.056.867	84,80	86,11
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	551.026.422	555.190.000	473.598.617	85,30	85,95
I	Chi đầu tư phát triển	105.944.831	11.140.000	58.200.000	522,44	54,93
1	Chi đầu tư phát triển khác	105.944.831	11.140.000	58.200.000	522,44	54,93
II	Chi thường xuyên	434.910.372	530.491.000	404.794.371	76,31	93,08
	Trong đó:					
1	Chi Quốc phòng	10.191.756	5.674.000	10.358.706	182,56	101,64
2	Chi An ninh	5.171.843	3.008.000	3.179.435	105,70	61,48
3	Chi sự nghiệp giáo dục	200.079.679	310.178.000	212.468.134	68,50	106,19
4	Chi sự nghiệp đào tạo	5.865.349	7.857.000	5.892.750	75,00	100,47
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số	32.297.043	36.284.000	32.446.436	89,42	100,46
6	Chi khoa học và công nghệ	31.700	100.000	16.400	16,40	51,74
7	Chi văn hóa thông tin và thể thao	2.490.704	3.280.424	2.658.791	81,05	106,75
8	Chi phát thanh, truyền hình	1.005.134	1.771.576	1.314.749	74,21	130,80
9	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	80.650	394.000	147.210		182,53
10	Chi bảo vệ môi trường	1.078.770	1.592.000	895.036	56,22	82,97
11	Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	34.680.696	21.908.881	14.547.691	66,40	41,95
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	104.395.400	126.260.119	100.344.589	79,47	96,12
13	Chi bảo đảm xã hội	34.201.227	11.767.000	18.542.078	157,58	54,21
14	Chi khác ngân sách	3.340.421	416.000	1.982.366	476,53	59,34
III	Dự phòng ngân sách	10.171.219	11.054.000	10.604.246	95,93	104,26
IV	Chi từ các khoản quản lý qua ngân sách	0	2.000.000	0	0,00	
V	Dự kiến chi từ nguồn tăng thu		505.000	0	0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	23.912.500	28.611.000	21.458.250	75,00	89,74
1	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh giao đầu năm	23.912.500	28.611.000	21.458.250	75,00	89,74